|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN****TỈNH SÓC TRĂNG**Số: /KH-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Sóc Trăng, ngày tháng 8 năm 2023* |

**DỰ THẢO**

###### KẾ HOẠCH

**Đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc**

**gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Sóc Trăng**

Thực hiện Công văn số 2347/LĐTBXH-VPQGGN ngày 26/6/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

**A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM, KHẢ NĂNG THỰC HIỆN 9 THÁNG VÀ ƯỚC THỰC HIỆN CẢ NĂM 2023**

**I. Công tác chỉ đạo, điều hành**

Tỉnh đã triển khai thực hiện kịp thời các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của trung ương như: Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Thông tư số 02/2023/TT-BLĐTBXH ngày 12/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025; Văn bản hợp nhất số 1315/VBHN-BLĐTBXH ngày 13/4/2023 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo.

Theo đó, Tỉnh đã ban hành các văn bản triển khai thực hiện như: Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 15/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng giám sát, đánh giá năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**II. Kết quả phân bổ, sử dụng nguồn lực thực hiện Chương trình**

**1. Ngân sách trung ương**

1.1. Kết quả phân bổ

- Nguồn kinh phí từ năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 là 22.059 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 4.305 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 17.754 triệu đồng).

- Nguồn kinh phí từ năm 2023 là 79.975 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 11.733 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 68.242 triệu đồng).

1.2. Kết quả giải ngân

a) Năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023:

- Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm là 3.414 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 447 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 2.967 triệu đồng).

- Khả năng thực hiện 9 tháng là 18.526 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 4.305 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 14.221 triệu đồng).

- Ước thực hiện cả năm là 22.059 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 4.305 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 17.754 triệu đồng).

b) Năm 2023:

- Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm là 2.877 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 2.441 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 436 triệu đồng).

- Khả năng thực hiện 9 tháng là 16.736 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 5.000 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 11.736 triệu đồng).

- Ước thực hiện cả năm là 22.059 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 11.733 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 67.795 triệu đồng).

**2. Ngân sách địa phương**

2.1. Kết quả phân bổ

- Nguồn kinh phí từ năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023 là 19 triệu đồng (vốn vốn sự nghiệp).

- Nguồn kinh phí năm 2023 là 8.046 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.174 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 6.872 triệu đồng).

2.2. Kết quả giải ngân

a) Năm 2022 chuyển nguồn sang năm 2023:

- Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm: Chưa giải ngân.

- Khả năng thực hiện 9 tháng: 19 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ước thực hiện cả năm: 19 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Năm 2023:

- Kết quả giải ngân 6 tháng đầu năm: Chưa giải ngân.

- Khả năng thực hiện 9 tháng là 3.730 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 500 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 3.230 triệu đồng).

- Ước thực hiện cả năm là 7.623 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.174 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 6.449 triệu đồng).

**III. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình**

**1. Mục tiêu chung**

Triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung Chương trình, các chính sách đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trên địa bàn. Qua đó, cơ bản người nghèo, hộ nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống thoát nghèo bền vững, góp phần hoàn thành các mục tiêu về giảm nghèo của tỉnh.

**2. Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể**

- Giải quyết việc làm 6 tháng đầu năm 2023 cho cho 391 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, đạt 6,52% kế hoạch.

- Đào tạo nghề 6 tháng đầu năm 2023 cho 758 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đạt 21,66% kế hoạch.

- Có 100% người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Hỗ trợ xây dựng 1.350 căn nhà cho hộ nghèo với tổng kinh phí thực hiện 67,5 tỷ đồng.

**IV. Kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án, hoạt động của Chương trình**

**1. Dự án 1.** Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo: Tỉnh triển khai Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo. Năm 2023, triển khai thực hiện 01 công trình giao thông nông thôn trên địa bàn xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách: Tuyến dọc Mương Ổi - Bờ dọc (bờ nam), tuyến cặp kênh Xáng Cái Côn thuộc bờ đông từ voi kênh xáng đến giáp ranh tỉnh Hậu Giang, tuyến rạch Bào Càng (bờ nam), tuyến vàm Ba Trinh - rạch Miễu (nối tiếp); đến nay, cơ bản đã hoàn thành phần vốn được giao.

**2. Dự án 2.** Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Các địa phương đang khẩn trương triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**3. Dự án 3.** Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

- Đối với Tiểu dự án 1. Hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực nông nghiệp: Các địa phương đang khẩn trương triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 03/2023/NQ-HĐND ngày 11/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đối với Tiểu dự án 2. Cải thiện dinh dưỡng: Sở Y tế đang xây dựng kế hoạch triển khai nội dung về cải thiện dinh dưỡng cho các đối tượng theo quy định.

**4. Dự án 4.** Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

- Tiểu dự án 1. Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn, đã tổ chức đào tạo nghề cho 347 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đạt 9,91% kế hoạch.

- Tiểu dự án 2. Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã xây dựng nội dung triển khai tiểu dự án này theo hướng dẫn tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Tiểu dự án 3. Hỗ trợ việc làm bền vững (vốn trung ương giao): Đã tổ chức thu thập thông tin người lao động, giải quyết việc làm cho 391 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo, đạt 6,52% kế hoạch.

**5. Dự án 6.** Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

- Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin: Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp các địa phương triển khai tiểu dự án này theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2022/TT-BTTTT ngày 30/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Đang trong giai đoạn lập dự toán chi tiết thực hiện nội dung “Tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động của đài truyền thanh xã”.

- Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều: Thực hiện việc thông tin, tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố được khoảng 237 lượt tuyên truyền; 11 kỳ chuyên mục; 79 tin, bài, phản ánh, tài liệu tuyên truyền với tổng thời lượng phát khoảng 550 phút; cộng tác khoảng 13 tin, bài có nội dung liên quan trên báo, đài tỉnh.

**6. Dự án 7.** Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá

- Tiểu dự án 1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các địa phương xây dựng tổ chức 03 lớp tập huấn về nghiệp vụ thực hiện Chương trình và công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Tiểu dự án 2. Giám sát, đánh giá: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp các địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp các đoàn giám sát của Quốc hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; chuẩn bị các nội dung phục vụ giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Chương trình.

**V. Đánh giá chung**

**1. Kết quả đạt được**

Trong năm 2023, các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đã khẩn trương triển khai thực hiện các nội dung thuộc Chương trình. Việc triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án đã tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo phát triển kinh tế gia đình, tăng thêm thu nhập, vươn lên thoát nghèo; hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận đầy đủ hơn các dịch vụ xã hội cơ bản (việc làm, y tế, giáo dục, nước sạch, thông tin,…). Thông qua việc triển khai thực hiện Chương trình, đời sống người dân nói chung, hộ nghèo, hộ cận nghèo nói riêng từng bước được nâng lên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**2. Những khó khăn, vướng mắc**

- Công tác giải ngân vốn kết quả thực hiện các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình còn thấp (việc làm, dạy nghề,…).

- Một số vướng mắc, bất cập của Chương trình: Việc đầu tư cơ sở hạ tầng thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo đã được công nhận đạt chuẩn xã nông thôn mới; đầu tư trang thiết bị cho các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện chưa được các cơ quan trung ương hướng dẫn, gây khó khăn trong công tác triển khai và giải ngân các dự án.

**B. KẾ HOẠCH NĂM 2024 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH**

**I. Bối cảnh**

Trong năm 2024, các nguồn lực đầu tư của trung ương và địa phương, cũng như sự ủng hộ của các cá nhân, tổ chức trong ngoài và tỉnh góp phần triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách hỗ trợ khác cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, trong xu hướng chung chịu tác động của tình hình thế giới có nhiều bất ổn, diễn biến phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước nói chung và của tỉnh Sóc Trăng nói riêng; do đó, việc triển khai Chương trình cũng gặp các khó khăn, thách thức.

**II. Mục tiêu**

**1. Mục tiêu tổng quát**

Thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo; hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia, nâng cao chất lượng cuộc sống thoát nghèo bền vững, góp phần hoàn thành các mục tiêu về giảm nghèo của tỉnh.

**2. Mục tiêu cụ thể**

- Trong năm 2024 giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 1,5% - 2% so với với kết quả rà soát năm 2023; trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo dân tộc Khmer hằng năm từ 2% - 3% (theo chuẩn nghèo đa chiều quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ.

- Giải quyết việc làm năm 2024 cho 6.000 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; trong đó, đưa 60 người lao động đi học tập, làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; phấn đấu hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo có ít nhất một thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm bền vững.

- Đào tạo nghề năm 2024 cho 3.500 người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hỗ trợ xây dựng, nhân rộng từ 11 mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, nhằm tạo sinh kế, việc làm, thu nhập bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; phấn đấu 80% người có khả năng lao động, có nhu cầu thuộc hộ nghèo, hộ trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo được hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi tại xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo xuống dưới 9%.

- 100% người dân thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo được hỗ trợ cấp thẻ bảo hiểm y tế.

- Tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo trong độ tuổi đi học đạt 95%.

- Tỷ lệ hộ nghèo có nhà ở an toàn, ổn định, đáp ứng tiêu chuẩn “nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng” đạt 65%.

- 92% hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh và 77% hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- 80% hộ nghèo, hộ cận nghèo được tiếp cận dịch vụ internet; 93% hộ nghèo, hộ cận nghèo có phương tiện phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin.

**3. Kết quả chủ yếu**

Phấn đấu thực hiện đạt các mục tiêu đề ra, nhằm góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, cải thiện cuộc sống. Đồng thời, tăng khả năng tiếp cận các vụ xã hội cơ bản về việc làm, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin của các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh trong năm 2024.

**III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình**

**1. Dự án 1:** Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (công trình đầu tư cấp xã, liên xã) phục vụ dân sinh, sản xuất, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Hỗ trợ duy tu và bảo dưỡng các công trình phục vụ dân sinh, sản xuất, thiết yếu trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 9.325 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 8.250 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 7.500 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 750 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương là 825 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 750 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 75 triệu đồng).

+ Vốn huy động hợp pháp khác là 250 triệu đồng (người dân đóng góp và các nguồn huy động hợp pháp khác).

**2. Dự án 2:** Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

- Triển khai xây dựng, phát triển, nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, thương mại, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; tập huấn, chuyển giao khoa học, kỹ thuật, công nghệ; dạy nghề, hướng nghiệp, tạo việc làm; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, nguyên liệu sản xuất, vật tư, công cụ, máy móc, thiết bị, nhà xưởng sản xuất và điều kiện cơ sở vật chất; xúc tiến thương mại, tiếp cận thị trường, liên kết phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề với bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm giữa hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, cộng đồng với hợp tác xã, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân liên quan và các nội dung khác theo quy định của pháp luật; mô hình giảm nghèo gắn với quốc phòng, an ninh.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 31.560 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 27.780 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 2.780 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác là 1.000 triệu đồng (vốn người dân đóng góp và vốn huy động hợp pháp khác).

**3. Dự án 3:** Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

a) Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Triển khai các hoạt động phát triển sản xuất nông, lâm, ngư, diêm nghiệp; tập huấn kỹ thuật, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cây trồng, vật nuôi, vật tư, công cụ, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y và hỗ trợ khác theo quy định; phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 12.425 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 11.925 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 1.195 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác là 500 triệu đồng (vốn người dân đóng góp và vốn huy động hợp pháp khác).

b) Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng:

- Triển khai các hoạt động hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo.

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 3.915 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 3.815 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 385 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Vốn huy động hợp pháp khác là 100 triệu đồng.

**4. Dự án 4:** Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

a) Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 12.443 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 11.308 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 1.135 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Triển khai các hoạt động hỗ trợ người lao động sinh sống trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: Tiền đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng nghề, ngoại ngữ; hỗ trợ tiền ăn, sinh hoạt phí, tiền ở trong thời gian tham gia đào tạo (bao gồm cả thời gian tham gia giáo dục định hướng), trang cấp đồ dùng cá nhân thiết yếu; chi phí khám sức khỏe, hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp; giới thiệu, tư vấn cho người lao động và thân nhân người lao động.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 220 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 200 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 20 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

c) Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

- Triển khai các hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sàn giao dịch việc làm trực tuyến và xây dựng các cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc; hỗ trợ giao dịch việc làm; quản lý lao động gắn với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu khác; thu thập, phân tích, dự báo thị trường lao động; hỗ trợ kết nối việc làm thành công.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 19.281 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 17.524 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 8.464 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 9.060 triệu đồng).

+ Ngân sách địa phương là 1.757 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 847 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 910 triệu đồng).

**5. Dự án 5:** Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo: Tỉnh Sóc Trăng không thực hiện do giai đoạn 2021 - 2025 không có huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

**6. Dự án 6:** Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin: Triển khai các hoạt động nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông; cung cấp dịch vụ thông tin công cộng tại các điểm cung cấp dịch bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo; tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động thông tin cơ sở (bao gồm cơ sở vật chất cho hoạt động của Trạm Truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo) để cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội. Trên cơ sở ứng dụng công nghệ số, đẩy mạnh trang bị cơ sở vật chất, nền tảng cung cấp nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ tăng cường nội dung thông tin thiết yếu cho xã hội, ưu tiên đối với xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 7.260 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 6.600 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 660 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều:

- Triển khai các hoạt động xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình, sự kiện, chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững; tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo; hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững; tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Sóc Trăng chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.

- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới; tổ chức các hoạt động đối thoại chính sách về giảm nghèo ở các cấp, các ngành, nhất là cơ sở; phát triển hoạt động trang thông tin điện tử về giảm nghèo.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 1.980 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 1.800 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 180 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**7. Dự án 7:** Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

a) Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình:

- Xây dựng tài liệu và đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo; chú trọng các nội dung thực hiện Chương trình, giải quyết các chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin. Nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý, công tác xã hội, bình đẳng giới nhằm hỗ trợ hiệu quả cho người nghèo, đối tượng yếu thế, có hoàn cảnh khó khăn.

- Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm; tổ chức hội thảo, hội nghị và các hoạt động khác về công tác giảm nghèo.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 4.400 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 4.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 400 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

b) Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá:

- Xây dựng khung kết quả của Chương trình, gồm: Hệ thống các mục tiêu, chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo tiếp cận đa chiều; xây dựng quy trình, chi tiết hệ thống giám sát và đánh giá, hệ thống các biểu mẫu báo cáo, cơ chế thu thập thông tin; nội dung, cơ chế báo cáo; cách thức sử dụng thông tin của hệ thống giám sát và đánh giá cho quản lý và tổ chức thực hiện.

- Kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo định kỳ, hằng năm hoặc đột xuất; rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm; tổ chức điều tra, đánh giá đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo ở các cấp.

- Tổng nhu cầu vốn thực hiện là 2.200 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách trung ương là 2.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương là 200 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

**8. Tổng nhu cầu vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2024 trên địa bàn tỉnh là 106.589 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương là 95.202 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 15.964 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 79238 triệu đồng).

- Vốn ngân sách địa phương là 9.537 triệu đồng (vốn đầu tư phát triển: 1.597 triệu đồng; vốn sự nghiệp: 7.940 triệu đồng).

- Huy động hợp pháp khác là 1.850 triệu đồng.

**IV. Giải pháp chủ yếu**

**1. Triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án đúng theo nguyên tắc của Chương trình**

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Tổ chức thực hiện một số hoạt động của Chương trình bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế; khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, dàn trải, lãng phí; không sử dụng vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

- Bảo đảm công khai, dân chủ, phát huy quyền làm chủ và sự tham gia tích cực, chủ động của cộng đồng và người dân. Ưu tiên các công trình sử dụng nguyên vật liệu địa phương và sử dụng lao động tại chỗ để tạo thêm sinh kế cho người dân.

- Phân quyền, phân cấp cho địa phương trong xây dựng, tổ chức thực hiện Chương trình phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán tốt đẹp của các dân tộc, gắn với củng cố quốc phòng, an ninh.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực và xử lý nghiêm hành vi tham nhũng, lãng phí và các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

**2. Về giải pháp huy động vốn, lồng ghép nguồn lực**

- Huy động tối đa các nguồn lực xã hội thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và tăng cường các nguồn huy động, đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Bảo đảm cân đối, bố trí, huy động đầy đủ, kịp thời theo đúng cơ cấu nguồn vốn đã được quyết định; bảo đảm tỷ lệ vốn đối ứng của các địa phương và trách nhiệm tham gia thực hiện Chương trình của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Lồng ghép nguồn lực thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, việc thực hiện các chính sách giảm nghèo nói chung và các chính sách giảm nghèo đặc thù với các dự án, nội dung thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

**3. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia**

Thực hiện theo Nghị quyết số 08/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

**V. Tổ chức thực hiện**

**1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này theo quy định; tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- Chủ trì hướng dẫn các sở, ban ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện hiệu quả Kế hoạch này; hướng dẫn quy trình giám sát, đánh giá thực hiện; kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các địa phương; tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

**2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương, nguồn vốn đối ứng từ ngân sách địa phương cho Kế hoạch này theo tiến độ và kế hoạch đầu tư trung hạn, hàng năm, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

**3. Sở Tài chính**

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền đảm bảo kinh phí đối ứng thực hiện Chương trình (nguồn vốn sự nghiệp) theo phân cấp hiện hành và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện Chương trình theo đúng quy định.

**4. Các sở, ban ngành chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025**

- Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện; tổng hợp và đề xuất các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nguồn vốn và phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng của địa phương năm tiếp theo giao cho các sở, ngành tỉnh và các địa phương thực hiện đối với dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc lĩnh vực quản lý của sở, ngành, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp vào kế hoạch chung theo quy định.

- Lập kế hoạch vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng của địa phương năm 2024 để triển khai các hoạt động của Kế hoạch này, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Hướng dẫn các sở, ngành, địa phương triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công chủ trì.

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lắp với các chương trình, dự án, đề án khác và nhiệm vụ thường xuyên của các sở, ngành, địa phương.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các sở, ban ngành có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung Kế hoạch này theo quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Chỉ đạo tỉnh.

- Báo cáo kết quả thực hiện các Dự án, Tiểu dự án, nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện các nội dung của Kế hoạch này theo lĩnh vực quản lý nhà nước được phân công.

- Lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này với các chương trình, dự án, đề án khác được giao bảo đảm hiệu quả, không chồng chéo.

**5. Sở Thông tin và Truyền thông, Báo Sóc Trăng, Đài Phát thanh và Truyền hình Sóc Trăng**: Tăng cường công tác tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch này.

**6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

- Căn cứ nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế của từng cơ quan, địa phương xây dựng kế hoạch năm 2024 để triển khai thực hiện theo phân cấp quản lý; thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn quản lý.

- Kiện toàn bộ máy tham mưu, giúp việc cho Ban Chỉ đạo cấp huyện theo quy định.

- Bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của các cấp và cơ quan liên quan trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch theo nguyên tắc đẩy mạnh phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở.

- Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ban Chỉ đạo tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7**. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội:** Phối hợp tuyên truyền vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tập thể, cá nhân trong và ngoài tỉnh tham gia ủng hộ trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình và các chính sách an sinh xã hội khác; phối hợp theo dõi, giám sát công tác tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Trên đây là Kế hoạch đầu tư công năm 2024 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Ủy ban nhân dân tỉnh kính gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, xem xét bố trí nguồn lực để địa phương triển khai thực hiện Chương trình trong năm 2024./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |
| - Bộ LĐTBXH;- Sở LĐTBXH;- Sở Tài chính;- Sở Kế hoạch và Đầu tư;- Lưu: VT, VX. | **CHỦ TỊCH** |